

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND huyện An Phú về việc thành lập tổ kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở chế biến khô Thanh Sang;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của ông Tạ Thanh Sang tại Công văn số 01/CV-TS ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở chế biến khô Thanh Sang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 142/PTNMT-MT ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường của Cơ sở chế biến khô Thanh Sang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Cơ sở chế biến khô Thanh Sang, địa chỉ tại ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án: Cơ sở chế biến khô Thanh Sang.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- 1.3. Giấy đăng ký hộ kinh doanh số 52C8010025 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 29 tháng 4 năm 2022 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú cấp.
- 1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến khô cá lóc, cá trê, cá sặc, cá tra.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án có diện tích 112m², tứ cận như sau:

+ Phía Tây: Cách chợ nông sản 10m;

+ Phía Bắc: Giáp với taluy khu dân cư chợ Khánh An;

+ Phía Đông: Giáp với nhà dân;

+ Phía Nam: Giáp với lối đi nội bộ.

- Quy mô của dự án đầu tư: Tổng mức đầu tư 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), thuộc dự án nhóm C – dự án công nghiệp với tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Công suất: 35,0 tấn sản phẩm/năm.

- Tổng diện tích sử dụng đất nhà xưởng 112m², phân chia thành các khu chức năng như sau:

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	94
-	Khu vực phơi cá	35
-	Khu vực rửa nguyên liệu	12
-	Phòng ngủ	16
-	Nhà bếp	9
-	Khu vực đóng gói sản phẩm	14
-	Khu bảo quản sản phẩm	8
II	Hạng mục công trình phụ trợ	15
-	Lối đi nội bộ	15
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	3
-	Nhà vệ sinh	3
Tổng diện tích		112

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở chế biến khô Thanh Sang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 11 tháng 9 năm 2023 đến ngày 11 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ông Tạ Thanh Sang;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Công TT điện tử huyện An Phú;
- Phòng TN và MT;
- UBND xã Khánh An;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 194/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của 02 công nhân không lưu trú và 02 quản lý lưu trú tại dự án. Lưu lượng phát sinh: 0,24 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sản xuất và nước rửa sàn, nền. Lưu lượng phát sinh: 2,0 m³/ngày đêm.

2. Dòng xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tự thấm vào đất.

2.2. Vị trí xả nước thải: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X=0539882; Y=1212045.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,24 m³/ngày đêm, 0,09 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy sau khi xử lý.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục, 24 giờ.

2.3.2. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt, QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

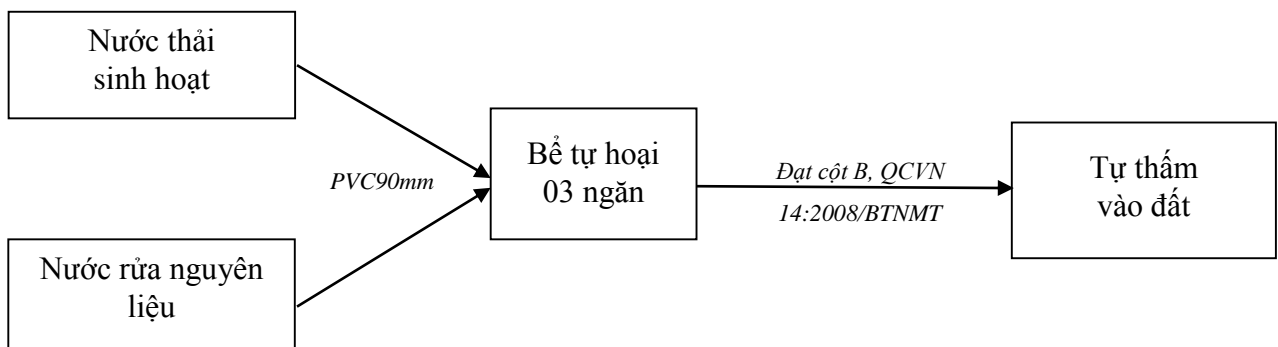
Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5- 9
2	TSS	mg/l	100
3	Tổng chất rắn h.a tan	mg/l	1000
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
5	Nitrat (NO ³⁻)(tính theo N)	mg/l	50
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
7	BOD ₅	mg/l	50
8	Amoni (N)	mg/l	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
10	Dầu, mỡ ĐTV	mg/l	20
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt công nghệ: Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

+ Kết cấu của hầm tự hoại 3 ngăn: Tường bể tự hoại được xây gạch vữa M75, trát tường vữa M75, mặt trong đánh hồ dầu chống thấm. Đáy bể được đánh hồ dầu chống thấm, lán nền vữa M75, bê tông nền đá 1 x 2 mác 150, dày 20 cm, lớp đá 4 x 6 dày 10 cm

+ Thông số kỹ thuật: Diện tích 4m² (2mx2m), chiều cao 1,5m. Thể tích 6m³.

- Công suất thiết kế: 2,24 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không xả thải ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 194/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Mùi hôi phát sinh từ quá trình phơi cá.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải: Khu vực phơi cá. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0539872; Y=1212031.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Mùi hôi từ khu vực phơi cá phát sinh vào môi trường không khí (không xác định được lưu lượng thải).

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Liên tục 12 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với mùi hôi theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí như sau:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	NH ₃	µg/m ³	200
2	H ₂ S	µg/m ³	42

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi)

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh khu vực sản xuất và lối đi nội bộ nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.

- Yêu cầu các phương tiện đậu đúng nơi quy định và tắt động cơ trong quá trình lên xuống hàng.

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh toàn bộ khu vực dự án và bê tông hóa lối đi nội bộ.

- Rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất được thu gom vận chuyển xử lý trong ngày.

Trang bị bảo hộ cho nhân viên làm việc: găng tay, khẩu trang,... Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không có nguồn thải tập trung ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi) từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 194/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực lên xuống thu mua nguyên liệu và xuất bán sản phẩm. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0539866; Y=1212024.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung như sau:

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép		
1	Tiếng ồn	dBA	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Độ rung	dB	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	75

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Yêu cầu các thành viên trong gia đình và công nhân giảm tốc độ cho phương tiện giao thông khi ra vào dự án. Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực (≤ 20 km).

- Nghiêm cấm nhân viên tụ họp gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

- Thực hiện thời gian hoạt động hợp lý: Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ trưa, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Không hoạt động vào các giờ cao điểm từ 11 giờ - 13 giờ và 18 giờ chiều đến 6h sáng hôm sau.

- Nhắc nhở các thành viên trong gia đình và công nhân đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình làm việc tại dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 194/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng phát sinh khoảng 1,35 kg/ngày. Bao gồm: Giấy vụn, bao nilon, thức ăn dư thừa,..

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phát sinh thường xuyên: Khối lượng phát sinh khoảng 50 kg/tháng. Thành phần: Bao bì, dây buộc, xô nhựa, rổ nhựa lâu ngày hư hỏng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng rác lớn loại 30 lít..

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Cuối ngày vận chuyển ra lề đường cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 4 thùng nhựa loại 20 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Rác thải được lưu chứa tại nhà xưởng và bán cho cơ sở có nhu cầu.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Bố trí đội cứu hộ ứng trực thường xuyên và nhắc nhở, giám sát công nhân phòng ngừa tai nạn có thể xảy ra./.